

受験級	氏名	国籍	性別	日本滞在期間（2024年12月受験時点）
N2	AUNG KYAW MOE	ミャンマー	男	1年11ヵ月
N3	KYAW KHAING	ミャンマー	男	1年6ヵ月
	PHAN TAN ANH	ベトナム	男	1年7ヵ月
	MIN KHANT KYAW	ミャンマー	男	1年9ヵ月
	NAN MYINT	ミャンマー	男	1年9ヵ月
	PHAN TRUNG HUNG	ベトナム	男	4年3ヵ月
N4	PHAM PHUC DUC	ベトナム	男	6ヵ月
	DO VAN THIN	ベトナム	男	6ヵ月
	HO MINH NGHIA	ベトナム	男	6ヵ月
	BUI DUC NAM	ベトナム	男	8ヵ月
	NGUYEN VAN CHUNG	ベトナム	男	8ヵ月
	LE CAO CONG	ベトナム	男	11ヵ月
	NGUYEN KHAC CHUNG	ベトナム	男	1年2ヵ月
	NGUYEN XUAN ANH TUAN	ベトナム	男	1年2ヵ月
	GRINO VICENTE JR. PARPAN	フィリピン	男	1年7ヵ月
	NGUYEN VIET PHU	ベトナム	女	1年8ヵ月
	PAING THAN KYAW	ミャンマー	男	2年5ヵ月
	THANT ZIN WIN	ミャンマー	男	2年6ヵ月

受験級	合格者数
N2	1
N3	5
N4	12
計	18